

Sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn trong phát triển kinh tế ở VN

TS. NGUYỄN CHÍ HẢI

Thực tế phát triển kinh tế ở các nước trong các thập kỷ qua cho thấy, xét đến cùng tăng trưởng kinh tế phải hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, không thể có sự phát triển bền vững nếu tăng trưởng kinh tế không gắn với các mục tiêu xã hội cơ bản như xóa đói giảm nghèo, giảm bớt sự cách biệt về thu nhập và điều kiện sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn. Về vấn đề này, quan điểm của Đảng và Nhà nước VN là tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển.

Tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo ở VN

Công cuộc đổi mới ở VN được phát động từ cuối năm 1986, đặc biệt là những cải cách theo thể chế kinh tế thị trường từ năm 1989 đã đem lại cho nền kinh tế nước ta sự khởi sắc cả về tốc độ tăng trưởng và tiến bộ xã hội.

Nếu những năm 1986-1990, tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế chỉ đạt bình quân 4,8%/năm, nhưng năm 1991-1995 đã đạt 8,2%/năm. Những năm 1996-2000, mặc dù bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của VN vẫn đạt 6,96%/năm - cao nhất Đông Nam Á. Từ năm 2001 đến năm 2007, tốc độ tăng trưởng kinh tế của VN liên tục gia tăng 6,9% (2001), 7,1% (2002), 7,3% (2003), 7,7% (2004), 8,4% (2005), 8,17% (2006) và 8,48% năm 2007.

Thu nhập bình quân đầu người của VN đã tăng lên đáng kể từ 114 USD năm 1990 lên 397 USD năm 2000, 545 USD năm 2004 [1; 80], 644 USD năm 2005 và 835 USD năm 2007. Theo Báo cáo phát triển con người năm 2006 của UNDP thì GDP bình quân đầu người (tính theo PPP) của VN năm 2004 đạt 2.745 USD; đến năm 2005 đạt 3076 USD (theo cách tính mới của Ngân hàng Thế giới ngày 17/12/2007 là 2.142 USD [*]).

Cơ cấu của nền kinh tế VN đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp liên tục giảm qua các năm, trong khi tỷ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ tăng lên. Năm 2006, tỷ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm

20,36% GDP, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 41,56% và khu vực dịch vụ chiếm 38,08% (Bảng 1)

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển dịch theo hướng gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nếu năm 2000, tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng mới chiếm 12,1% trong tổng số lao động xã hội, đến năm 2005 tăng lên 17,9%, ngành dịch vụ tăng từ 19,7% lên 25,3%; trong khi tỷ trọng lao động của các ngành nông - lâm - ngư nghiệp đã giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%. Tỷ trọng lao động đã qua đào tạo tăng từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2005 [2; 5].

Nền kinh tế VN đã đẩy nhanh được tốc độ hội nhập kinh tế quốc tế. Trong 5 năm 2001-2005, tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta đạt 111 tỷ USD, tăng 17,5%/năm; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 130,2 tỷ USD, tăng 18,8%/năm. Năm 2007 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đạt hơn 109 tỷ USD trong đó xuất khẩu đạt 48,4 tỷ USD, tăng gần 21% so với năm 2006; năm 2007 cũng là năm thành công lớn trong thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài với 20,3 tỷ USD cho nguồn FDI (2007) và 6,5 tỷ USD cho nguồn ODA (2006 và 2007).

Những chỉ tiêu tăng trưởng khá ấn tượng của nền kinh tế VN thời gian qua gắn liền với những tiến bộ xã hội, đặc biệt là có sự gia tăng của những tiến bộ này ở cả khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Dưới đây là một số tình hình cụ thể:

- Những cải thiện trong tăng trưởng kinh tế và giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên đã cải thiện đáng kể thu nhập người dân và giảm nghèo đói. Theo chuẩn quốc tế, tỷ lệ nghèo của VN đã giảm liên tục từ hơn 60% năm 1990, xuống còn 58,1% năm 1993, 37,4%(1998), 32% (2000), 28,9%(2002), 18,1%(2004)[12], 15,47% (2006) và tiếp tục

Bảng 1: Tỷ trọng các ngành trong GDP (%)

Năm	1986	1990	1995	2000	2004	2005	2006
Khu vực							
Nông - lâm - ngư nghiệp	38,06	38,74	27,18	24,30	21,81	20,97	20,36
Công nghiệp và xây dựng	28,88	22,67	28,76	36,61	40,21	41,02	41,56
Dịch vụ	33,06	38,59	44,06	39,09	37,98	38,01	38,08

Nguồn: [1;79]; [2;15]; [10;69]

giảm xuống còn 14,75% năm 2007[16]. Riêng khu vực nông thôn, tỷ lệ giảm nghèo cũng diễn ra khá ấn tượng, nếu tỷ lệ nghèo năm 1993 là 66,4%, đến năm 2002 đã giảm xuống còn 35,6% [1;8]. Theo đánh giá mới đây của các chuyên gia thuộc Ngân hàng Thế giới thì "tăng trưởng kinh tế tại VN cho đến nay đã đem lại lợi ích cho cả vùng đô thị và nông thôn. Năm 1993, có tới 2/3 số dân nông thôn được coi là nghèo thì ngày nay con số này đã giảm xuống chỉ còn 1/5" [18]. Như vậy tỷ lệ nghèo trong nông thôn VN đã giảm từ khoảng 67% số dân nông thôn năm 1993 xuống còn khoảng 20% số dân nông thôn vào năm 2007.

- Tại khu vực nông thôn, công cuộc cải cách kinh tế đã không chỉ đưa VN thành một cường quốc xuất khẩu gạo mà còn bước đầu làm chuyển biến một nông thôn thuần nông, tự cấp tự túc sang một nông thôn đa dạng hóa ngành nghề và sản xuất hàng hóa. Đặc biệt về mặt tiến bộ xã hội, Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 2006 đã đánh giá cao tiến bộ của VN trong đầu tư nước sạch và vệ sinh. Nếu năm 1998, số dân nông thôn tiếp cận nước sạch chỉ chiếm khoảng 32% (khoảng 23 triệu người), thì đến năm 2004 đã có 60% người dân nông thôn (khoảng 40 triệu người) được tiếp cận nước sạch. Đã có 50% hộ nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh, 30% chuồng trại chăn nuôi và 10% làng nghề được xử lý nước thải [13].

Năm 2007, Ngân hàng Thế giới tiếp tục đánh giá cao những tiến bộ về kinh tế xã hội của nông thôn VN; với tựa đề "Tăng cường nông nghiệp cho phát triển" (ngày 11.12.2007), các chuyên gia Ngân hàng Thế giới đã nhận xét "VN đã làm tốt việc tạo điều kiện cho sản xuất tiếp cận tốt nhất với tài nguyên thiên nhiên như đất đai, nước... giao đất cho nông dân sản xuất cùng với tự do hóa thương mại và đầu tư mạnh về thủy lợi" [16].

- Những tiến bộ vượt bậc của VN ở cả khu vực nông thôn và khu vực thành thị được thể hiện qua chỉ tiêu phát triển tổng hợp: chỉ số phát triển nguồn nhân lực (HDI). Theo các báo cáo thường niên của UNDP thì chỉ số HDI của VN đã tăng liên tục trong hai thập kỷ qua: tăng từ 0,540 trong báo cáo năm 1995 lên 0,671/năm 2000 và đạt 0,709 trong báo cáo năm 2006. Báo cáo phát triển con người năm 2006 của UNDP còn nhấn mạnh rằng tuy GDP bình quân đầu người của VN chưa bằng một nửa so với Algeria (2.745-6.303 USD), nhưng chỉ số HDI của VN chỉ thấp hơn Algeria 7 bậc (0,709 so với 0,728).

Năm 2007, VN tiếp tục gia tăng tiến bộ trong chỉ số HDI. Báo cáo phát triển con người 2007 - 2008 của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc công bố tại Hà Nội ngày 28.11.2007, thì chỉ số HDI của VN là 0,733; đứng thứ

Bảng 2: Chỉ số phát triển con người của VN (UNDP 2006; số liệu năm 2004)

HDI	Tuổi thọ trung bình (năm)	Tỷ lệ biết chữ ở người lớn (% trong độ tuổi từ 15 trở lên)	Tỷ lệ nhập học ở bậc tiểu học đến đại học (%)	GDP đầu người (PPP-USD)
1 Na Uy (0,965)	1. Nhật (82,2)	1.Geogia (100)	1.Australia (113,2)	Luxembourg (69.961)
108. Indonesia (0,711)	82. El Salvador (71,1)	56.Indonesia (90,4)	122. Sao Tomé Príncipe (63,0)	117. Georgia (2.844)
109.VN (0,709)	83.VN (70,8)	56.VN (90,3)	123.VN (62,8)	118.VN (2.745)
177. Nigeria (0,311)	177. Swaziland (31,3)	128. Mali (19,0)	172. Nigeria (21,5)	172.Sierra Leone (561)

Nguồn: [13].

105/177 nước được xếp hạng (tăng 4 bậc so với năm 2006). So với các nước trong khu vực, VN đứng sau Singapore (25), Thái Lan (78), Philippines (90), đứng trên Indonesia (107), Lào (130), Campuchia (131), Myanmar (132) [15]. Đáng chú ý là VN đã vượt xa nhiều nước có thu nhập cao hơn trong các lĩnh vực như tuổi thọ (73,7 tuổi; xếp thứ 56/177 nước), tỷ lệ biết chữ ở người lớn (90,3%; xếp thứ 57/177 nước).

Những thành tựu trong tăng trưởng kinh tế và tiến bộ về xã hội của VN trong thời gian qua đã nâng cấp mức sống và cơ hội làm việc, học hành của dân chúng ở cả khu vực thành thị và nông thôn, tuy nhiên mức độ và phạm vi tiếp nhận sự tiến bộ xã hội và cải thiện thu nhập ở hai khu vực này là có sự cách biệt.

Những khó khăn, thách thức

Cùng như nhiều nước đang phát triển khác, quá trình thực hiện cải cách, mở cửa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở VN đã phát sinh những mặt trái của sự tăng trưởng, đó là khoảng cách giàu nghèo giữa các bộ phận dân cư gia tăng, sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn có xu hướng tăng lên. Đây thực sự là khó khăn, thách thức lớn đối với quá trình phát triển. Có thể nhìn nhận thực tế này diễn ra ở VN trong các mặt dưới đây.

Thứ nhất, khoảng cách thu nhập giữa các nhóm dân cư có xu hướng tăng lên. Nếu năm 1993 mức chênh lệch về thu nhập giữa 20% nhóm giàu và 20% nhóm nghèo là 4,3 lần thì đến năm 2002 khoảng cách này đã tăng lên 8,14 lần. Năm 2002 khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa 10% nhóm giàu nhất và 10% nhóm nghèo nhất là 12,5 lần; đến năm 2004 khoảng cách này đã tăng lên 13,5 [4].

Đáng chú ý là khoảng cách gia tăng này chủ yếu rơi vào khu vực nông thôn đối với nhóm nghèo nhất (Bảng 3).

Như vậy tỷ lệ nghèo của khu vực nông thôn cao gấp 6,6 lần tỷ lệ nghèo của khu vực thành thị (năm 2004). Số liệu ước tính năm 2005 cho thấy tỷ lệ nghèo của vùng Tây Bắc gấp 2,67 lần tỷ lệ nghèo của vùng đồng bằng sông Hồng; tỷ lệ nghèo của vùng đồng bằng sông Cửu Long gấp 3,4 lần tỷ lệ nghèo của vùng Đông Nam Bộ.

Bảng 3: Tỷ lệ nghèo của các vùng(%)

	1993	1998	2002	2004	2005 (ước)
Cả nước	58,1	37,4	28,9	24,1	22,3
* Nông thôn và thành thị					
- Nông thôn	66,4	45,5	35,6	25,0	
- Thành thị	25,0	9,2	6,6	3,6	
* Vùng - Đông Bắc	86,1	62,2	38,4	31,7	29,6
- Tây Bắc	81,0	73,4	68,0	54,4	52,1
- Đồng bằng sông Hồng	62,7	29,3	22,4	21,1	19,5
- Bắc Trung Bộ	74,5	48,1	43,9	41,4	39,1
- Nam Trung Bộ	47,2	34,5	25,2	21,3	19,4
- Tây Nguyên	70,0	52,4	51,8	32,7	30,2
- Đông Nam Bộ	37,0	12,2	10,6	6,7	5,3
- Đồng bằng sông Cửu Long	47,1	41,9	23,2	19,5	18,0

Nguồn: [7].

Thứ hai, khoảng cách thu nhập của dân cư khu vực thành thị và khu vực nông thôn cũng có xu hướng tăng lên. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế thì chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị ở VN đã lên tới 6,9 lần (2004) chứ không phải con số 3,5 lần như vẫn nhắc đến [21].

Điều đáng quan ngại là trong những năm gần đây tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại và không đồng đều giữa các vùng. Nếu những năm 1992-1998 hệ số tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo là 1-0,7, thì những năm 1998-2004 đã giảm xuống còn 1-0,3. Do đó làm cho tình trạng nghèo tương đối trở nên gay gắt hơn, khoảng cách giàu nghèo giữa thành thị và vùng nông thôn vẫn có sự chênh lệch lớn. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, hiện nay trong khu vực nông thôn cứ 5 hộ thì vẫn còn 1 hộ nghèo.

Trầm trọng hơn khi tỷ lệ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của cả nước có chiều hướng tăng. Thực tế những năm gần đây cho thấy, ở VN đang có sự dịch chuyển từ sự bất bình đẳng giữa nông thôn và thành thị sang sự bất bình đẳng thu nhập giữa người dân tộc thiểu số và người Kinh, người Hoa; trong khi tỷ lệ hộ nghèo của cả nước ngày càng giảm thì ở một số vùng miền núi, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỷ lệ hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao như Lai Châu hơn 55%, Điện Biên trên 40% [23]. Tình trạng phạm vi cả nước tỷ lệ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của cả nước đã tăng từ 21% năm 2001 lên 36% năm 2005 [4].

Thứ ba, trong khu vực nông thôn đồng thời với những chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội thì vẫn tồn tại và phát sinh khá nhiều bất cập, đó là:

- Bên cạnh tỷ lệ nghèo ở nông thôn còn khá cao thì đã xuất hiện tình trạng "tái nghèo" ở nhiều vùng, nhất là những vùng khó khăn. Thực tế cho thấy, ở các vùng có trình độ kinh tế thấp như vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Tây

Nguyên, là các vùng có tốc độ giảm nghèo nhanh nhất, nhưng cũng là vùng có tỷ lệ nghèo cao nhất.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng trong các vùng nông thôn, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa còn rất hạn chế: hệ thống giao thông kém phát triển, còn đến 40% người dân nông thôn chưa tiếp cận với nước sạch. Theo tiến sĩ Hans Troedsson, trưởng đại diện WHO tại VN, hiện có hơn 2/3 dân số VN bị nhiễm những căn bệnh liên quan đến nước không sạch và kém vệ sinh [13], trong đó phần lớn là ở khu vực nông thôn.

- Chất lượng nguồn nhân lực ở khu vực nông thôn còn rất thấp; theo Ông Phạm Quang Vinh, Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm Nghiệp và Thủy sản thì trong số khoảng 23 triệu lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản thì lao động có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật chỉ chiếm 1,35%; trình độ trung cấp: 0,89%; trình độ đại học và sau đại học: 0,11% [23].

- Tình trạng dư thừa lao động trong vùng nông thôn tăng nhanh (hiện có khoảng 35-40% lực lượng lao động ở nông thôn bị dư thừa) do áp lực tăng dân số tự nhiên và do các ngành phi nông nghiệp kém phát triển, không đủ thu hút lực lượng lao động tại vùng nông thôn. Trong khi đó năng suất lao động trong vùng nông thôn còn ở mức rất thấp, điều này càng đe dọa khả năng cải thiện mức sống của người dân.

- Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tốc độ đô thị hóa (so với dân số) ở VN diễn ra khá nhanh: 18,5% (1989), 20,5% (1997), 23,6% (1999) và 25% (2004), bên cạnh những mặt tích cực, cũng nảy sinh những mặt tiêu cực như thu hẹp đất đai canh tác nông nghiệp, gây nguy cơ ô nhiễm môi trường. Thêm vào đó, tình trạng chiếm dụng của công, gây thất thoát đất đai cả về số lượng lẫn giá trị; thị trường ruộng đất chưa công khai và còn phi chính thức, đã kìm hãm phát triển sản xuất và làm trầm trọng thêm tình trạng dư thừa lao động.

Thứ tư, VN chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tạo ra những thời cơ, vận hội mới để phát triển, trong đó có khu vực nông thôn. Tuy nhiên, ngay lập tức, khi mọi trợ cấp cho nông nghiệp được dỡ bỏ và việc cắt giảm mạnh thuế nhập khẩu nông sản, đã buộc người nông dân đứng trước sự cạnh tranh quyết liệt đối với thị trường nông sản mà họ vốn có lợi thế về lao động và đất đai. Nếu không có biện pháp ứng phó phù hợp chắc chắn thu nhập của người nông dân sẽ có nguy cơ giảm sút và gia tăng nguy cơ thất nghiệp, dôi dư lao động nông nghiệp.

Thứ năm, nguy cơ tiềm ẩn của sự chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn chính là sự bất bình đẳng về cơ hội. Đây là một thực tế khó tránh khỏi do những bất lợi cố hữu của khu vực nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa. Điều tra của Viện Khoa học Xã hội VN cho thấy, 51% nông dân khi gặp khó khăn kêu cứu thì chỉ 1/3 trong số đó nhận được sự trợ giúp; còn theo nhận xét của Ông Hồ Xuân Hùng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp &

Phát triển nông thôn thì “nông thôn VN tưởng như đang rất bình lặng, nhưng tiềm ẩn nguy cơ biến động lớn. Lao động nhàn rỗi ở nông thôn nhiều, bộ máy lãnh đạo cơ sở đánh mất niềm tin ở nhân dân...” [21]. Nguy cơ tiềm ẩn này không những sẽ làm gia tăng sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị mà còn là cản trở lớn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Quan điểm và giải pháp

Thực tế đang đặt ra cho nền kinh tế nước ta hiện nay là có sự gia tăng khoảng cách về thu nhập và điều kiện sống giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này không chỉ đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế, mà còn cảnh báo đến những hậu quả tiêu cực về mặt xã hội và môi trường trong tương lai.

Vấn đề đang đặt ra đối với VN hiện nay cũng là hiện tượng khá phổ biến đã diễn ra ở nhiều nước trên thế giới khi bước vào công nghiệp hóa. Do vậy, quan điểm và những giải pháp mà chúng tôi kiến nghị dưới đây có tính đến cơ sở lý luận và thực tiễn không chỉ xuất phát từ điều kiện VN mà còn là kinh nghiệm từ những nước đi trước, đặc biệt là các nước châu Á như Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan và gần đây là Trung Quốc.

Trước hết về quan điểm, cần phải thấy rằng giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và sự phân hóa giữa các tầng lớp dân cư về thu nhập, sự gia tăng khoảng cách giữa thành thị và nông thôn là một vấn đề có tính chiến lược và cấp thiết của VN hiện nay. Để đảm bảo vừa tăng trưởng kinh tế, vừa kiểm soát, kiểm chế và từng bước rút ngắn được sự cách biệt giữa khu vực thành thị và nông thôn, theo chúng tôi cần quan triệt các quan điểm sau:

Thứ nhất, cần phải nhận thức một thực tế là có sự hiện hữu của thực trạng gia tăng cách biệt giữa thành thị và nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, đặc biệt là giai đoạn đầu công nghiệp hóa. Do vậy chỉ có thể đưa ra các chính sách hạn chế, khắc phục chứ không thể loại trừ quá trình này.

Thứ hai, để phát triển kinh tế bền vững quan điểm nhất quán của VN là “tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển”. Điều đó cũng có nghĩa là, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với việc rút ngắn sự cách biệt giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển.

Thứ ba, cần phải giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với việc rút ngắn sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn trong mối quan hệ biện chứng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Nói cách khác, sự phát triển kinh tế - xã hội của hai khu vực này là một tổng thể thống nhất, có quan hệ thúc đẩy, bổ sung, hỗ trợ nhau trong quá trình phát triển.

Thứ tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới chính là động lực không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà còn là điều kiện cần thiết để rút ngắn sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn.

Trong thời gian tới, để nền kinh tế VN phát triển bền vững, cần có những biện pháp để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với mục tiêu rút ngắn sự cách biệt giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Theo chúng tôi, các giải pháp này bao gồm:

Thứ nhất, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn là biện pháp cơ bản nhất để rút ngắn cách biệt giữa nông thôn và thành thị ở VN trong thời gian tới.

Để thực hiện giải pháp cơ bản trên, thì cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn phải chuyển dịch mạnh theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện đồng bộ cơ khí hóa, điện khí hóa và thủy lợi hóa trong phát triển nông nghiệp. Vấn đề mấu chốt hiện nay là VN cần phải vượt lên trên cuộc cách mạng xanh (như các nước đã làm trước đây), phát triển một nền nông nghiệp mới có giá trị gia tăng cao dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và hội nhập thị trường thế giới.

Thứ hai, đẩy nhanh quá trình đa dạng hóa ngành nghề sản xuất trong nông nghiệp và nông thôn, phát triển các lĩnh vực phi nông nghiệp, khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ sử dụng nhiều lao động. Đây là giải pháp quan trọng không những huy động được các thành phần kinh tế ở nông thôn vào công cuộc phát triển, mà còn là giải pháp cần thiết để giải quyết lao động dư thừa trong nông thôn với phương châm “ly nông bất ly hương”.

Thứ ba, để phát triển kinh tế và cải thiện điều kiện sống ở nông thôn thì vấn đề xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở tại địa bàn nông thôn là hết sức quan trọng và cấp thiết.

Hệ thống cơ sở hạ tầng ở nông thôn bao gồm hệ thống giao thông liên lạc, các cơ sở trường học, y tế; các kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt như điện, nước, hệ thống dịch vụ; các trung tâm văn hóa, giải trí, vv... Chỉ có thể phát triển các cơ sở hạ tầng ở nông thôn một cách đồng bộ thì mới tạo ra môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế bền vững, cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người dân ở nông thôn.

Trong điều kiện nguồn tài chính của nhà nước cho việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở nông thôn còn hạn chế, thì việc đa dạng hóa nguồn tài chính là hết sức quan trọng. Theo chúng tôi, để huy động tối đa được nguồn tài chính thì bên cạnh nguồn ngân sách của Nhà nước và nguồn tài trợ quốc tế, cần khai thác tốt nguồn lực trong nhân dân thông qua khuyến khích đầu tư tư nhân và xã hội hóa các công trình phúc lợi xã hội tại các địa phương.

Thứ tư, Nhà nước cần có biện pháp hỗ trợ nông dân

nhằm mở rộng thị trường cho khu vực nông nghiệp, nông thôn ở cả đầu vào và đầu ra. Người nông dân cần được sự hỗ trợ của các cơ quan chính phủ về thông tin thị trường, các yếu tố dịch vụ kỹ thuật công nghệ sản xuất, các hình thức quảng bá, tiếp thị sản phẩm.

Trong điều kiện một nền nông nghiệp hội nhập và tham gia đầy đủ vào WTO, thì những thông tin về thị trường, nắm bắt nhu cầu thị trường và những quyết định linh hoạt trong lựa chọn các sản phẩm sản xuất kinh doanh trở thành nhân tố quyết định đến thu nhập và đời sống của người dân khu vực nông thôn.

Thứ năm, để giải quyết tình trạng dư thừa lao động trong nông thôn, và để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực nông thôn, trong thời gian tới Chính phủ cần chú trọng đến các vấn đề như:

- Khuyến khích và giúp đỡ các hộ nông dân có điều kiện chuyển đổi ngành nghề kinh doanh hoặc không có điều kiện kinh doanh nông nghiệp, chuyển sang khu vực sản xuất và kinh doanh phi nông nghiệp như công nghiệp và dịch vụ.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo, phải thật sự coi đây là bước đột phá để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở khu vực nông thôn, đáp ứng nhu cầu lao động tại địa phương.

- Phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống tại các địa phương theo hướng nâng cao giá trị sản xuất và xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm và tích lũy vốn cho công cuộc phát triển.

- Cần có biện pháp khuyến khích và hỗ trợ để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có điều kiện phát triển kinh doanh ở tại địa phương. Bên cạnh các hỗ trợ về vốn, tín dụng, chính sách thuế, cần tuyên truyền giáo dục trong các tầng lớp nhân dân trong nông thôn, đặc biệt là tầng lớp thanh niên tinh thần doanh nhân, ý thức "khởi nghiệp" để làm giàu cho gia đình và cho đất nước.

Thứ sáu, cần có biện pháp đối phó với những tác động bất lợi của việc VN gia nhập WTO, đồng thời khai thác triệt để những thuận lợi mới để phát triển, đó là:

- Các sản phẩm nông nghiệp VN khi tham gia thị trường thế giới sẽ theo một "luật chơi" chung. Đó là cơ sở pháp lý để chúng ta bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người nông dân trong cạnh tranh quốc tế.

- Gia nhập WTO tạo ra cơ hội tốt để người nông dân VN ý thức hơn trong việc đầu tư vào khoa học công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất để có thể cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Gia nhập WTO, nếu như chúng ta tận dụng tốt, thì đó sẽ là điều kiện để thúc đẩy phát triển các ngành sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ở ngay chính khu vực nông thôn. Đó cũng là một trong những điều kiện để rút ngắn sự cách biệt giữa nông thôn và đô thị.

Thứ bảy, trong điều kiện trình độ kinh tế và mức sống

chung của khu vực nông thôn còn thấp, tình trạng nghèo còn chiếm tỷ lệ khá cao, nhất là các vùng khó khăn, thì công tác xóa đói giảm nghèo mà cả xã hội đang nỗ lực thực hiện, vẫn là một giải pháp cấp thời và hiệu quả để cải thiện đời sống người dân nông thôn và góp phần hạn chế chênh lệch về thu nhập giữa nông thôn và đô thị.

Tóm lại: Giảm bớt sự cách biệt về thu nhập, cơ hội và điều kiện sống của người dân giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn là một mục tiêu vừa có tính cấp thiết trước mắt, vừa có tính cơ bản lâu dài trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở VN. Đó cũng là điều kiện để nền kinh tế nước ta có thể phát triển bền vững, hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế, để đến năm 2020 VN phấn đấu cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thực hiện được mục tiêu này cần phải có quan điểm toàn diện và những giải pháp đồng bộ, trong đó khâu then chốt là phải đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn theo tiêu chí phát triển bền vững ■

Chú thích

[1] Ngày 17.12.2007, Ngân hàng Thế giới đã công bố lại tính toán về tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên cơ sở cân bằng sức mua (PPP - Purchasing Power Parity) cho các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, theo đó thì GDP của VN giảm 30%, Trung Quốc và Ấn Độ giảm 40%. Việc điều chỉnh này cho phép so sánh chính xác hơn về khoảng cách thu nhập giữa các nước.

Tài liệu tham khảo:

1. Đinh Văn Ân, chủ biên (2005): Quan niệm và thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội tốc độ nhanh, bền vững, chất lượng cao ở VN. NXB CTQG, Hà Nội.
2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2006): Tài liệu học tập Nghị quyết Đại hội X. NXB CTQG, Hà Nội.
3. Phạm Đỗ Chí - Phạm Quang Diệu: Kinh tế VN đang ở đâu? (<http://www.ueh.edu.vn/tcptkt/ptkt2006/thang1-06>).
4. Phạm Gia Khiêm: Xóa đói giảm nghèo ở nước ta - thành tựu, thách thức và giải pháp (15/02/2006) (<http://www.mof.gov.vn/Default>).
5. Phan Minh Ngọc (Đại học Kyushu, Nhật): Gia nhập WTO tác động thế nào đến nông dân? (<http://www3.vietnamnet.vn/wto/2006>).
6. Nguyễn Văn Minh: Tăng trưởng kinh tế vẫn để không chỉ là con số (<http://www.ueh.edu.vn/tcptkt/ptkt2006/thang11-05>).
7. Phan Thị Hạnh Thu: Tự do hóa thương mại và nghèo đói ở VN. Tạp chí nghiên cứu kinh tế, số 355 (12.2007); trang 3 - 24.
8. Phan Ngọc Trung: Chất lượng tăng trưởng kinh tế vẫn để đặt ra với nền kinh tế VN (<http://www.ueh.edu.vn/tcptkt/ptkt2006/thang2-06>).
9. Đào Thế Tuấn: Vấn đề đất đai trong phát triển bền vững ở nước ta hiện nay (<http://www.dangcongson.vn>).
10. Tổng cục Thống kê: Niên giám Thống kê 2006. NXB Thống kê, HN - 2007
11. Ngô Doãn Vịnh (2005): Bản vẽ phát triển kinh tế (nghiên cứu con đường dẫn tới giàu sang). NXB CTQG, Hà Nội.
12. Nghèo - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia (<http://vi.wikipedia.org/wiki...>)
13. VN là một ví dụ thành công về phát triển con người (<http://www3.vietnamnet.vn/chinhtri/2006>).
14. Kinh tế VN năm 2007 tiếp tục khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức lớn (<http://www.cpv.org.vn/details.asp>; cập nhật 31.12.2007);
15. VN sánh tầm với các nước có thu nhập trung bình về HDI (<http://www.mofa.gov.vn>; cập nhật 29.11.2007);
16. Một số vấn đề nông thôn VN hiện nay (<http://www.mofa.gov.vn>; cập nhật 31.12.2007);
17. Năm 2007: Nền kinh tế VN trên đà thắng lợi (<http://www.vnmedia.vn/newsdetail.asp>; cập nhật 01.01.2008);
18. Xây nền nông nghiệp giá trị cao, VN khó với? (<http://www.VietNamNet.com.vn>; cập nhật 11.12.2007);
19. WB: VN vẫn loay hoay với bài toán nông nghiệp, nông thôn (<http://www.VietNamNet.com.vn>; cập nhật 11.12.2007);
20. VN vẫn chưa dịch chuyển được cơ cấu lao động (<http://www.VietNamNet.com.vn>; cập nhật 11.12.2007);
21. Chính quyền đô thị không nên "đóng cửa" với dân nhập cư (<http://www.VietNamNet.com.vn>; cập nhật 19.12.2007);
22. GDP của VN theo cân bằng sức mua giảm 30% (<http://www.VietNamNet.com.vn>; cập nhật 24.12.2007);
23. Dự báo lạm phát 2008 sẽ cao hơn 2007! (<http://www.VietNamNet.com.vn>; cập nhật 31.12.2007).